

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HS - ST
Ngày 08/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông La Đức Cường
2. Bà Trần Thị Miên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đậu Xuân Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2022/TLST - HS ngày 02/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST- HS ngày 25/8/2022 đối với bị cáo:

Nông Văn N; sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do ; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn S và bà Trần Thị H; vợ: Vi Thị H con: 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/6/2022 đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn N:** Bà Hoàng Thị Thu H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng : Ông Lục Văn C – Phó Trưởng phòng Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Theo văn bản ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C). Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đặng Thị Q, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Nông Văn Đ, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Nông Văn D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/7/2021 và ngày 01/8/2021, Trạm kiểm lâm B thuộc Hạt Kiểm lâm huyện C, tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn kiểm tra, phát hiện một phần diện tích rừng (*Qua đo đạc sơ bộ bàn đầu xác định được tổng diện tích rừng bị phát phá là 15690m²*) tại lô 3 khoảnh 1 Tiểu khu 333 thuộc thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn bị người dân phát phá trái phép cây cối tự nhiên lấy mặt bằng để canh tác, trồng trọt. Quá trình điều tra, xác minh ban đầu xác định trong tổng số diện tích bị phát phá trên có 8371m² là do Nông Văn N, trú tại thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn một mình trực tiếp phát phá trái phép vào khoảng tháng 5 năm 2021 với mục đích để lấy đất canh tác.

Ngày 17/12/2021, Hạt kiểm lâm huyện C đã tiến hành bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để tiến hành điều tra, xác minh theo quy định.

Ngày 12/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương xã B và những người có liên quan tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả sử dụng máy định vị toàn cầu (GPS - MAP 78) để đo đạc, thống kê xác định tổng diện tích rừng bị Nông Văn N phát phá trái phép thuộc lô 3 khoảnh 1 Tiểu khu 333 thuộc thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là 7404m². Qua khám nghiệm, xác định trên diện tích bị phát phá đã được trồng cây mới loại cây mỡ và có nhiều cây, cỏ mọc tái sinh. Tổng số lâm sản bị thiệt hại qua kiểm đếm tại hiện trường có 32 gốc cây gỗ tự nhiên và qua điều tra ô tiêu chuẩn xác định số cây vầu bị chặt phá là 2798 cây. Tiến hành kiểm tra, đối chiếu với bản đồ quy hoạch 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và bản đồ hiện trạng rừng năm 2020 trên địa bàn huyện C ban hành theo Quyết định 278/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND huyện C thì diện tích rừng do Nông Văn N phát phá là rừng sản xuất, trạng thái là rừng tự nhiên (*Rừng vầu tự nhiên núi đất*).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 12/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chợ Đồn kết luận: “2798 cây vầu có giá trị tại thời điểm tháng 5 năm 2021 là 5.888.400đ (Năm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm đồng)”.

Quá trình điều tra, truy tố Nông Văn N khai nhận: Khoảng tháng 06 năm 2019, N được vợ chồng anh trai mình là Nông Văn Đ và Đặng Thị Q chia cho quản lý, sử dụng (*Bằng lời nói*) một phần diện tích đất rừng ông bà được Ủy ban nhân dân huyện C giao cho theo theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 456499 do UBND huyện C cấp ngày 06/01/2009. Đến khoảng tháng 5 năm 2021, do có nhu cầu lấy đất canh tác (Trồng rừng) nên N một mình trực tiếp sử dụng dao và máy cưa xăng (*Mượn của em trai Ngô là Nông Văn D về đi cắt củi*) phát phá trái phép 01 phần diện tích rừng được anh Đức và chị Q chia cho. Khi phát xong, các

cây cối khô N đã tiến hành đốt dọn rồi trồng cây mỡ trên toàn bộ diện tích bị phát phá, sau đó thì bị cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản.

Tiến hành điều tra, xác minh: Anh Nông Văn Đ và chị Đặng Thị Q khai nhận: Diện tích rừng mà Nông Văn N phát phá để trồng rừng là của gia đình anh chị được UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn giao cho và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2019, anh chị đã chia cho em trai anh Đ là Nông Văn N một phần diện tích rừng được giao để quản lý, sử dụng (*Chia cho bằng lời nói*), sau đó N phát phá để trồng rừng thì bản thân anh chị không được biết hay được N hỏi ý kiến gì. Chỉ đến khi cơ quan chức năng đến làm việc thì anh chị mới được biết sự việc N phát phá phần diện tích rừng anh chị chia cho N quản lý, sử dụng.

Anh Nông Văn D khai nhận: Khoảng tháng 5 năm 2021, anh có được cho anh trai là Nông Văn N mượn 01 chiếc máy cưa xăng (cưa lốc) để cắt củi, việc N dùng máy cưa để phát phá rừng thì D không hay biết. Sau khi N trả lại máy cưa thì D sử dụng để phát phá rừng trái phép nên đã bị Cơ quan điều tra tạm giữ trong một vụ án khác.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nông Văn N đều thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phát phá rừng trái phép của mình. Sau khi phát phá N đã tự nguyện trồng lại cây mỡ trên một phần diện tích rừng (7404m²) đã phát phá trái phép. Ngày 18/4/2022, Ngô đã tự nguyện nộp vào Chi cục THADS huyện Chợ Đồn số tiền 5.888.400 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001275 để bồi thường thiệt hại.

Về vật chứng: Đối với số lâm sản (Các cây tự nhiên) và 2798 cây vầu bị chặt phá trên diện tích rừng mà Nông Văn N phát phá trái phép do N đã đốt dọn, nên bị mục nát quá trình điều tra không tiến hành thu hồi được.

Đối với 01 (một) chiếc máy cưa xăng mà Nông Văn N mượn của Nông Văn D rồi dùng vào việc phá phá diện tích rừng trên hiện tại đang được tạm giữ để điều tra xử lý trong 01 vụ án khác.

Đối với 01 (một) con dao (loại dao quắm) bằng kim loại, màu nâu đen, dài 53,5cm, chỗ rộng nhất 4,5cm, cán dao bằng gỗ dài 12cm, dao đã qua sử dụng tạm giữ của Nông Văn N đang được tạm giữ tại Kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn chờ xử lý.

Phần dân sự: Nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã cử ông Lục Văn C – Phó trưởng Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C đại diện tham gia tố tụng đã có đơn đề nghị yêu cầu Nông Văn N phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước số tiền 5.888.400 đồng theo kết luận định giá tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 34/CT - VKSCĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn đã truy tố bị cáo Nông Văn N về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn N phạm tội “*Hủy hoại rừng*”. Về hình phạt đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 38; điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn N từ 12 đến

18 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng; Hình phạt bổ sung đề nghị không xử phạt tiền đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho Ủy ban nhân dân huyện C với số tiền 5.888.400 đồng. Ghi nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường tại chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn; về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) con dao chặt bằng kim loại là công cụ dùng vào việc phát phá rừng trái phép; về án phí đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo có quan điểm thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm về tội danh, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về hình phạt bổ sung, về bồi thường thiệt hại, về xử lý vật chứng và về phần án phí. Riêng phần hình phạt chính: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo 01 năm tù và cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn dân sự ông Lục Văn C yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ủy ban nhân dân huyện C với tổng số tiền 5.888.400 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn Đ và bà Đặng Thị Q, ông Nông Văn D đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn đều thể hiện không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Do có nhu cầu lấy đất canh tác (*Trồng rừng*) nên vào khoảng tháng 5 năm 2021 bị cáo Nông Văn N đã có hành vi dùng dao và máy cưa xăng phát phá trái phép 7404m² diện tích rừng tự nhiên, trạng thái là rừng vầu tự nhiên núi đất, tại lô 3 khoảnh 1 Tiểu khu 333 thuộc thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, gây thiệt hại 2798 cây vầu có giá trị 5.888.400 đồng.

Hành vi phát phá rừng trái phép với diện tích 7404m² nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Hủy hoại rừng*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243

Bộ luật hình sự. Cáo trạng số: 34/CT - VKSCĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến hoạt động quản lý bảo vệ rừng của Nhà nước ảnh hưởng đến công tác phát triển và bảo vệ rừng tại địa phương. Do đó cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo giáo dục bị cáo đồng thời để đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phát phá rừng trái phép bị cáo đã tự nguyện trồng cây mới trên toàn bộ diện tích rừng phát phá và đã nộp một khoản tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả xảy ra nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo được người đại diện của nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng đủ điều kiện để xử phạt tù và cho hưởng án treo. Tuy nhiên cần áp dụng mức xử phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đảm bảo việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, có thu nhập thấp, sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có khả năng để thi hành hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ủy ban nhân dân huyện C với số tiền là 5.888.400 đồng. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn dân sự. Quá trình điều tra bị cáo đã nộp số tiền 5.888.400 đồng tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự. Hội đồng xét xử thấy việc nộp tiền bồi thường thiệt hại của bị cáo là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần được chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (Một) chiếc máy cưa xăng bị cáo dùng vào việc phát phá cây rừng trái phép, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của Nông Văn D, D có được cho bị cáo N mượn để cắt củi việc bị cáo N sử dụng chặt phá rừng trái phép thì D không biết. Sau khi bị cáo N trả lại, D đã sử dụng để phát phá rừng trái phép nên bị cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ. Hiện nay chiếc máy cưa trên đã được tịch thu sung quỹ Nhà nước trong vụ án khác.

Đối với số lâm sản (*Các cây tự nhiên*) và 2798 cây vầu bị chặt phá trên diện tích rừng mà Nông Văn N phát phá trái phép do đã bị N đốt dọn, mục nát nên quá trình điều tra không tiến hành thu hồi được.

[9] Đối với anh Nông Văn Đ và chị Đặng Thị Q là người được giao quản lý, sử dụng diện tích rừng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 456499 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 06/01/2009. Quá trình điều tra xác định anh Đ, chị Q không liên quan đến việc bị cáo hành vi phát phá trái phép rừng của bị cáo và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không xem xét, xử lý là đúng quy định pháp luật. Đối với Nông Văn D là người cho bị cáo N mượn chiếc máy cưa xăng, quá trình điều tra xác định D không liên quan đến việc bị cáo hành vi phát phá trái phép rừng của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét, xử lý là đúng quy định pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Nông Văn N là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn N phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn N 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Văn N cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nông Văn N phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho Ủy Ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 5.888.400 đồng. Ghi nhận việc bị cáo N đã nộp đủ số tiền 5.888.400 đồng để bồi thường theo Biên lai thu tiền số 0001275 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao (loại dao quắm) bằng kim loại, màu nâu đen, dài 53,5cm, chỗ rộng nhất 4,5cm, cán dao bằng gỗ dài 12cm, dao đã qua sử dụng tạm giữ của Nông Văn N.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn).

Tạm giữ số tiền 5.888.400 đồng của bị cáo Nông Văn N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001275 ngày 18/4/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án khoản tiền bồi thường thiệt hại cho bị cáo N.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nông Văn N.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND C;
- Công an C;
- THADS C;
- UBND xã B;
- Người tham gia tt;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Triệu Văn Mẫn

